TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 203/2018/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 27 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 26, 27, 12, 14, 15 và Điều 48 Nghị quyết số: 326 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 540/2007/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2007.

XÉT THẤY:

Vào ngày 03/9/2018, ông Phạm Văn S có đơn khởi kiện và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí; ngày 19/9/2018 bà Diệp Thị B có đơn xin miễn nộp tiền án phí với lý do ông S, bà B là người cao tuổi được Tòa án chấp nhận.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 19/9/2018, anh Phạm Thanh P; anh Phạm Minh L và là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S, bà Diệp Thị B, anh Phạm Văn T, anh Phạm Thanh X, anh Phạm Thanh S, anh Phạm Thanh T, chị Phạm Thị O, chị Huỳnh Thị Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Phạm Thị Cẩm Nh tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)*, nhưng do ông Phạm Văn S và bà Diệp Thị B được miễn nộp tiền án phí là 12.500 đồng *(Mười hai nghìn, năm trăm đồng)* nên số tiền còn lại tiếp tục phải nộp là 137.500 đồng *(Một trăm, ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)*.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa:*

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H: Bà Dương Thị Hồng V, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2017).

Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị Hồng V, sinh năm 1969
- Anh Phạm Lý T, sinh năm 1995
- Chị Phạm Lý U, sinh năm 1996

Đồng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Lý T và chị Phạm Lý U: Bà Dương Thị Hồng V, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2015).

- Bà Diệp Thị B, sinh năm 1953
- Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1978
- Anh Phạm Thanh X, sinh năm 1981
- Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1983
- Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1986
- Chị Huỳnh Thị Hoàng T, sinh năm 1982
- Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986

Đồng địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phạm Thị O, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975

Đồng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Diệp Thị B, anh Phạm Văn T, anh Phạm Thanh X, anh Phạm Thanh S, anh Phạm Thanh T, chị Phạm Thị O, chị Huỳnh Thị Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Phạm Thị Cẩm N: Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018).

- Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Dương Thị Hồng V và là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H, anh Phạm Lý T và chị Phạm Lý U với anh Phạm Thanh P; anh Phạm Minh L và là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S, bà Diệp Thị B, anh Phạm Văn T, anh Phạm Thanh X, anh Phạm Thanh S, anh Phạm Thanh T, chị Phạm Thị O, chị

Huỳnh Thị Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Phạm Thị Cẩm N tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Hộ ông Phạm Văn S gồm ông Phạm Văn S, bà Diệp Thị B, anh Phạm Văn T, anh Phạm Thanh P, anh Phạm Thanh X, anh Phạm Thanh S, anh Phạm Thanh T, anh Phạm Minh L, chị Phạm Thị O, chị Huỳnh Thị Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Phạm Thị Cẩm N (sau đây gọi tắt là hộ ông Phạm Văn S) được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 2.414 m^2 thuộc một phần của thửa số 221 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu địa chính năm 1983) tương tứng thửa số 01, tờ bản đồ số 06 (theo tài liệu địa chính chính quy năm 1998), loại đất 2L (lúa hai vụ - hiện nay toàn bộ diện tích này hộ ông S đã lên liếp thành vườn), đất tọa lạc Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất 2.414 m^2 hiện hộ ông Phạm Văn S đang quản lý và sử dụng có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp rạch có số đo 57.9 mét và giáp thửa 162 có số đo 3.1 mét.

+ Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 221 (tương ứng thửa 01) có số đo 57.3 mét.

+ Hướng Nam giáp thửa 220 (tương ứng thửa số 11) có số đo 42.6 mét và giáp rạch có số đo 2.5 mét.

+ Hướng Bắc giáp thửa 162 có số đo 41.6 mét.

Kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát đất, công văn số: 110/VPĐKQSDĐ ngày 23/4/2015 và công văn số: 267/VPĐKQSDĐ ngày 30/6/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Trà Vinh thuộc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh (Nay là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

- Hộ ông Phạm Văn S tự nguyện giao cho cho hộ ông Phạm Văn H gồm ông Phạm Văn H, bà Dương Thị Hồng V, anh Phạm Lý T và chị Phạm Lý U số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*. Bà Dương Thị Hồng V và là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H, anh Phạm Lý T và chị Phạm Lý U thống nhất nhận số tiền này. Cùng ngày 19/9/2018, hộ ông S và bà V đã giao nhận tiền xong.

- Hộ ông Phạm Văn S tự nguyện liên hệ với Cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã nêu trên.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Hồng V và là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H, anh Phạm Lý T, và chị Phạm Lý U về việc rút lại yêu cầu ông Phạm Văn S phải trả lại cho ông Phạm Văn H phần đất vườn diện tích 73 m^2 thuộc một phần của thửa đất số 220, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa số 11, tờ bản đồ số 3) tọa lạc Khóm A, thị trấn C, huyện C, tirh Trà Vinh.

- *Về chi phí thẩm định*: Hộ ông Phạm Văn S tự nguyện nộp 3.143.000 đồng *(Ba triệu, một trăm, bốn mươi ba nghìn đồng)*. Hộ ông Phạm Văn H không phải chịu chi phí thẩm định. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn H 3.143.000 đồng *(Ba triệu, một trăm, bốn mươi ba nghìn đồng)* tiền tạm ứng chi phí thẩm định thu được từ hộ ông Phạm Văn S.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Hộ ông Phạm Văn S gồm ông Phạm Văn S, bà Diệp Thị B, anh Phạm Văn T, anh Phạm Thanh P, anh Phạm Thanh X, anh Phạm Thanh S, anh Phạm Thanh T, anh Phạm Minh L, chị Phạm Thị O, chị Huỳnh Thị Hoàng T, chị Nguyễn Thị Kim L và chị Phạm Thị Cẩm N tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)* nhưng do ông Phạm Văn S và bà Diệp Thị B được miễn nộp tiền án phí là 12.500 đồng *(Mười hai nghìn, năm trăm đồng)* nên số tiền còn lại tiếp tục phải nộp là 137.500 đồng *(Một trăm, ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).*

+ Hộ ông Phạm Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Phạm Văn H 581.000 đồng *(Năm trăm, tám mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số No. 006835, ngày 03/12/2007 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang